

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2022
của Trường Đại học Thương mại)

Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	7340301
Trình độ đào tạo:	Đại học

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- *Mục tiêu chung:* Đào tạo cử nhân ngành kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu, hiện đại về kế toán, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kế toán, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành kế toán và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, và các tổ chức khác trong nền kinh tế thuộc khu vực công và khu vực tư.

- *Mục tiêu cụ thể:* Đào tạo cử nhân Kế toán đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học; cụ thể là: Chuẩn đầu ra về kiến thức, bao gồm các kiến thức chuyên môn, kiến thức về xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Chuẩn đầu ra về kỹ năng, gồm các kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp liên quan tới chuyên môn, kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành, kỹ năng thuyết trình, phổ biến kiến thức chuyên môn... Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm, gồm: làm việc độc lập và theo nhóm, giải thích, hướng dẫn, giám sát hoạt động chuyên môn, tự định hướng và đưa ra các kết luận có liên quan tới hoạt động nghề nghiệp, quản lý, điều phối, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn kế toán; và chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học để người học đảm nhiệm được và đảm nhiệm tốt các vị trí công việc sau khi tốt nghiệp cũng như có khả năng tiếp tục học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường.

2. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán đạt chuẩn đầu ra về kiến thức sau:

- (PLO1): Phân tích, ứng dụng được các kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, hiện đại về kế toán, kiểm toán và phân tích vào hoạt động chuyên môn trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự thay đổi của công nghệ
- (PLO2): Áp dụng được các kiến thức cơ bản về xã hội, khoa học chính trị và pháp luật đáp ứng yêu cầu của chuyên môn nghề nghiệp.
- (PLO3): Tổ chức ứng dụng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp tại các đơn vị, tổ chức.

3. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng sau:

- (PLO4): Phân tích, áp dụng được các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán, phân tích trong các đơn vị, tổ chức. Phân biện, phê phán, sử dụng các giải pháp thay thế để giải quyết các vấn đề chuyên môn phù hợp với bối cảnh.
- (PLO5): Tổ chức, dẫn dắt; đề xuất, thiết kế dự án khởi nghiệp, có khả năng xây dựng được đề án tạo việc làm cho mình và cho người khác thuộc chuyên môn kế toán, kiểm toán.
- (PLO6): Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán đạt chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm sau:

- (PLO7): Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong các môi trường khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có đạo đức nghề nghiệp.
- (PLO8): Giải thích, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc chuyên môn kế toán, kiểm toán; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- (PLO9): Lập được kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán trong đơn vị, tổ chức.

5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học sau:

- (PLO10): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại

học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO11): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 và Quyết định 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/2022 của Trường Đại học Thương mại.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán có thể đảm nhiệm và đảm nhiệm tốt công việc ở các vị trí sau:

Vị trí công việc:

- Bộ phận kế toán tài chính: kế toán, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, giám đốc tài chính
- Bộ phận kế toán quản trị: kế toán, trưởng bộ phận
- Bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của kiểm toán nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập, các công ty dịch vụ về kế toán và tư vấn tài chính: trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên, trưởng nhóm kiểm toán
- Bộ phận kế hoạch-tài chính: nhân viên, trưởng bộ phận
- Bộ phận phân tích kinh tế, tài chính: nhân viên, trưởng bộ phận
- Giảng viên ở các cơ sở đào tạo, chuyên viên nghiên cứu tại các Viện, Bộ, cơ quan Quản lý nhà nước

Loại hình đơn vị:

- Các loại hình doanh nghiệp của Việt Nam;
- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- Các tổ chức tài chính ngân hàng và phi ngân hàng;
- Các công ty kiểm toán độc lập; cơ quan kiểm toán Nhà nước;
- Các đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ quan quản lý Nhà nước
- Các trường đại học, viện nghiên cứu, Bộ, cơ quan Quản lý nhà nước.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Đủ khả năng học bậc sau đại học của các ngành thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
- Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các ngành liên quan.
- Có đủ kiến thức và khả năng để tham gia thi và nhận chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán của Việt Nam (VACPA); có khả năng học để tích lũy chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế của các tổ chức quốc tế có uy tín: Viện kế toán công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW), Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA)...

8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

8.1. Trong nước

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

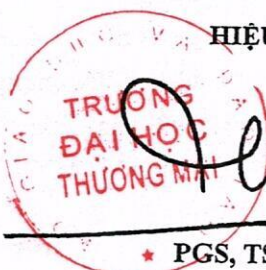
- Chương trình đào tạo Cử nhân kế toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 612/QĐ-KTQD ngày 12/03/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân, <https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy-cho-khoa-62> (truy cập ngày 26/2/2022); Chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường ĐH Kinh tế, ĐH Đà Nẵng, http://due.udn.vn/Portals/0/Editor/Khoa_Ke_Toan/VietNameese/K18.KiemToan.%C4%90TC%90T.Short_2610_2021.pdf (truy cập 26/2/2022); Chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp của Học Viện Tài chính, <https://hvtc.edu.vn/daotao/tabid/145/catid/38/id/20828/Chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy/Default.aspx> (Truy cập ngày 26/2/2022)

- Chương trình Kế toán công trình độ đại học của Trường ĐH kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/ke-toan-cong-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/> (truy cập 19/2/2022); Chương trình kế toán công trình độ đại học Học viện tài chính <https://hvtc.edu.vn/taichinhcong/tabid/617/catid/477/id/18928/GIOI-THIEU--VE-CHUYEN-NGANH-KE-TOAN-CONG/Default.aspx> (truy cập 19/2/2022).

8.2. Ngoài nước

- Swinburne University, <https://www.swinburne.edu.au/study/course/bachelor-of-accounting-and-business-information-technology-professional/> (truy cập 9/2/2022); University of San Diego, Department of Accounting (USA) <http://www.sandiego.edu/business/undergraduate/accountancy/curriculum.php> (truy cập 9/2/2022); Brigham Young University (USA) <https://catalog.byu.edu/business/school-of-accountancy/accounting-bs> (truy cập 9/2/2022); University of Wollongong (Australia) <https://coursefinder.uow.edu.au/information/index.html?course=bachelor-business-accountancy> (truy cập 9/2/2022);

- Oswego – State University of New York <https://www.oswego.edu/programs/five-year-combined/public-accounting-bs-mba> (truy cập 19/2/2022); Cleary University, <https://cleary.edu/degrees/bba-public-accounting/> truy cập 19/2/2022); Fort Hays State University, <https://www.fhsu.edu/efa/Documents/accounting-program/index.pdf> (truy cập 19/2/2022).

HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA


PGS, TS Phạm Đức Hiếu

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Kế toán công Public Accounting
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	7340301
Chuyên ngành đào tạo:	Kế toán công
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kế toán công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, quản lý tài chính khu vực công, nắm vững kiến thức chuyên môn về kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế, có năng lực thực hiện công tác kế toán, kiểm toán và khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán ở khu vực công. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tổ chức, thực hiện công tác kế toán tại các đơn vị trong khu vực công, các doanh nghiệp, tổ chức hoặc giảng dạy tại các Viện, trường, các cơ sở đào tạo.

Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kế toán công đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học; cụ thể là: Chuẩn đầu ra về kiến thức, bao gồm các kiến thức chuyên môn, kiến thức về xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Chuẩn đầu ra về kỹ năng, gồm các kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp liên quan tới chuyên môn, kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành, kỹ năng thuyết trình, phổ biến kiến thức chuyên môn... Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm, gồm: làm việc độc lập và theo nhóm, giải thích, hướng dẫn, giám sát hoạt động chuyên môn, tự định hướng và đưa ra các kết luận có liên quan tới hoạt động nghề nghiệp, quản lý, điều phối, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn kế toán; và chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học để người học đảm nhiệm được và đảm

nhiệm tốt các ví trí công việc sau khi tốt nghiệp cũng như có khả năng tiếp tục học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường.

2. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kế toán công đạt chuẩn đầu ra về kiến thức sau:

- (PLO1): Phân tích, ứng dụng được các kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, hiện đại về kế toán, kiểm toán và phân tích vào hoạt động chuyên môn trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự thay đổi của công nghệ
- (PLO2): Áp dụng được các kiến thức cơ bản về xã hội, khoa học chính trị và pháp luật đáp ứng yêu cầu của chuyên môn nghề nghiệp.
- (PLO3): Tổ chức ứng dụng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp tại các đơn vị, tổ chức.

3. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kế toán công đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng sau:

- (PLO4): Phân tích, áp dụng được các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán, phân tích trong các đơn vị, tổ chức. Phân biện, phê phán, sử dụng các giải pháp thay thế để giải quyết các vấn đề chuyên môn phù hợp với bối cảnh.
- (PLO5): Tổ chức, dẫn dắt; đề xuất, thiết kế dự án khởi nghiệp, có khả năng xây dựng được đề án tạo việc làm cho mình và cho người khác thuộc chuyên môn kế toán, kiểm toán.
- (PLO6): Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kế toán công đạt chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm sau:

- (PLO7): Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong các môi trường khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có đạo đức nghề nghiệp.
- (PLO8): Giải thích, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc chuyên môn kế toán, kiểm toán; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

(PLO9): Lập được kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán trong đơn vị, tổ chức.

5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kiểm toán đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học như sau:

(PLO10): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO11): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 và Quyết định số 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/3/2022 của Trường Đại học Thương mại.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kế toán công có thể đảm nhiệm và đảm nhiệm tốt công việc ở các vị trí sau:

- Kế toán viên, trưởng bộ phận kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức khác.
- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên tại các đơn vị thuộc Kiểm toán nhà nước.
- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên, nhân viên tư vấn về các lĩnh vực kế toán-kiểm toán, thuế, tài chính... tại các công ty kiểm toán độc lập trong nước và quốc tế.
- Giảng viên của các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng...
- Chuyên viên tại các Viện, Bộ, Cơ quan quản lý nhà nước.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Đủ khả năng học bậc sau đại học các ngành thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
- Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Có đủ kiến thức và khả năng để tham gia thi và nhận chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán của Việt Nam (VACPA); có khả năng học để tích lũy chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế của các tổ chức quốc tế có uy tín: Viện kế toán công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW), Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA)...

8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

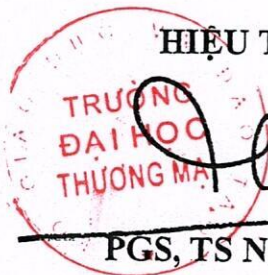
8.1. Trong nước

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;
- Chương trình Kế toán công trình độ đại học của Trường ĐH kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/ke-toan-cong-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/> (truy cập 19/2/2022).
- Chương trình kế toán công trình độ đại học Học viện tài chính, <https://hvtc.edu.vn/taichinhcong/tabid/617/catid/477/id/18928/GIOI-THIEU--VE-CHUYEN-NGANH-KE-TOAN-CONG/Default.aspx> (truy cập 19/2/2022).
- Chương trình kế toán công trình độ đại học Đại học Mở-địa chất, https://daotao.humg.edu.vn/Upload/ctdt/2018_5nam/52340301.pdf (truy cập 19/2/2022).
- Chương trình kế toán công trình độ đại học Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh, <https://ufba.edu.vn/nganh-ke-toan.html> (truy cập 19/2/2022).

8.2. Ngoài nước

- Oswego – State University of New York, <https://www.oswego.edu/programs/five-year-combined/public-accounting-bs-mba> (truy cập 19/2/2022).
- Cleary University, <https://cleary.edu/degrees/bba-public-accounting/> truy cập 19/2/2022).
- Fort Hays State University, <https://www.fhsu.edu/efa/Documents/accounting-program/index.pdf> (truy cập 19/2/2022).

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS Phạm Đức Hiếu

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Kế toán công Public Accounting
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	7340301
Chuyên ngành đào tạo:	Kế toán công
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo Kế toán công được ban hành theo Quyết định số 206/QĐ-ĐHTM ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Trường Đại học Thương mại về Ban hành chương trình đào tạo ngành và chuyên ngành Kế toán công và Tài chính công trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Tính đến thời điểm hiện tại đây là lần rà soát đầu tiên của chương trình.

- Lần sửa đổi, bổ sung này, chương trình đã có những cập nhật cải tiến so với chương trình đào tạo hiện hành như sau:

1.1. Đã rà soát và chỉnh sửa diễn đạt mục tiêu của CTĐT đảm bảo rõ ràng, hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn của trường; phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, dựa trên kết quả điều tra về CĐR và CTĐT ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán công; có tính đến sự thay đổi công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập của kế toán, kiểm toán Việt Nam theo chiến lược phát triển kế toán - kiểm toán đến năm 2030 do Thủ tướng chính phủ phê duyệt, cùng với đề án công bố hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam được phê duyệt theo quyết định 1299/QĐ-BTC ngày 31/7/2019 của Bộ tài chính đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính và hoạt động của các đơn vị công trong nền kinh tế thị trường chuyên đổi, dân hoàn thiện và phù hợp với thông lệ quốc tế; đảm bảo tương thích giữa CĐR và CTĐT sau khi rà soát,

chỉnh sửa;

1.2. Đã rà soát, chỉnh sửa, biên tập lại các CĐR của CTĐT theo các chuẩn về: kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, ngoại ngữ và tin học. Với 11 CĐR đảm bảo bám sát Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, tuân thủ các quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

1.3. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp đã được trình bày phù hợp với CĐR và mục tiêu của CTĐT dựa trên kết quả điều tra các đối tượng là người sử dụng lao động;

1.4. Các CTĐT, CĐR đã tham khảo đảm bảo tương thích với ngành đào tạo, được kiểm định và có link dẫn nguồn, ngày truy cập khi tham khảo;

1.5. Đã rà soát để đảm bảo được kết cấu hợp lý theo tỷ lệ tương đối giữa các HP của toàn bộ CTĐT; giữa các HP tự chọn với tổng số tín chỉ học tập và tốt nghiệp; giữa các khối kiến thức GDĐC và GD chuyên nghiệp; giữa kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành;

1.6. Ma trận CĐR đã được rà soát, biên tập trên cơ sở các CĐR và đề cương các HP trong CTĐT đã chỉnh sửa, bổ sung, đảm bảo hợp lý đáp ứng được các CĐR của CTĐT;

1.7. Một số điều chỉnh, cải tiến cơ bản như sau:

- Chuyển một số học phần từ bắt buộc sang tự chọn bao gồm: *Khối kiến thức cơ sở ngành*: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1; *Khối kiến thức ngành*: Thực hành kế toán công; *Khối kiến thức bổ trợ*: Thống kê kinh tế, Quản lý tài chính dự án đầu tư công. Lý do: Tăng số lượng tín chỉ học phần tự chọn đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 25%/tổng số tín chỉ học tập và tốt nghiệp (30TC) và phù hợp với CĐR của CTĐT.

- Thay thế HP Luật hành chính bằng Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet đồng thời chuyển từ HP bắt buộc xuống tự chọn. thay thế HP Quản trị tài chính 1 bằng HP Chính phủ điện tử. Lý do: Tăng số lượng tín chỉ học phần tự chọn đảm bảo tỷ lệ 25%/tổng số tín chỉ học tập và tốt nghiệp (30TC) và phù hợp với yêu cầu của CMCN 4.0 và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ trong ngành kế toán - kiểm toán, phù hợp với khảo sát nhu cầu xã hội.

- Bổ sung thêm một số học phần tự chọn cụ thể là: *Khối kiến thức cơ sở ngành*: Kinh tế công cộng (3TC); *Khối kiến thức ngành*: Hệ thống thông tin kế toán (3TC), Kế toán ngân hàng thương mại (3TC), Kế toán tài chính 3 (3TC); Lý do: Tăng thêm sự lựa chọn của người học, đảm bảo phù hợp CĐR của chương trình đào tạo, đảm bảo tỷ lệ chọn của các HP tự chọn là 2 chọn 1. Các học phần này đều đã được giảng dạy trong các chương trình đào tạo của Trường.

- Chuyển học phần Quản lý ngân sách nhà nước từ Khối kiến thức ngành sang Khối kiến thức bổ trợ (HP bắt buộc). Lý do: Phù hợp với mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Kế toán công.

- Chuyển học phần Phân tích kinh tế khu vực công trong khối kiến thức ngành từ tự chọn sang bắt buộc. Lý do: Đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Thay thế HP Tổ chức công tác kế toán đơn vị công (3TC thuộc HP tự chọn, kiến thức ngành) bằng HP Tổ chức công tác kế toán, HP Kiểm toán nội bộ khu vực công (3TC thuộc HP tự chọn, kiến thức ngành) bằng Kiểm toán nội bộ. Lý do: HP Tổ chức công tác kế toán và Kiểm toán nội bộ cung cấp các nguyên lý chung về tổ chức công tác kế toán và kiểm toán nội bộ trong các đơn vị. Từ các nguyên lý chung đó, tùy thuộc vào đặc điểm của từng loại hình đơn vị trong đó có đơn vị công sẽ có sự khác biệt trong nội dung, phạm vi thực hiện; các vấn đề này đều được làm rõ trong đề cương của học phần TCCTKT và KTNB cũng như trong quá trình giảng dạy. Giáo trình “Tổ chức công tác kế toán” biên soạn và xuất bản năm 2021 cũng tiếp cận theo nguyên lý chung như trên.

- Thay thế HP Kinh tế thương mại 1 (2TC) thuộc HP tự chọn, kiến thức cơ sở ngành bằng học phần Kinh tế thương mại đại cương. Lý do: Theo quyết định thay thế học phần của Nhà trường.

- Bỏ HP Lịch sử Kinh tế Việt Nam thuộc HP tự chọn Khối Kiến thức giáo dục đại cương. Lý do đảm bảo nguyên tắc thống nhất tỷ lệ chọn của các HP tự chọn là 2 chọn 1 ở tất cả các nhóm tự chọn trong các khối kiến thức trong CTĐT.

- Các HP chuyên ngành có đổi mới hình thức đánh giá thi cuối kỳ bằng cách chuyển từ thi tự luận sang bài tập lớn, gồm: Kế toán công 3 và Kế toán tài chính 2.

- Các HP có báo cáo thực tế: Kế toán công 1 và Kế toán tài chính 2.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kế toán công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, quản lý tài chính khu vực công, nắm vững kiến thức chuyên môn về kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế, có năng lực thực hiện công tác kế toán, kiểm toán và khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán ở khu vực công. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tổ chức, thực hiện công tác kế toán tại các đơn vị trong khu vực công, các doanh nghiệp, tổ chức hoặc giảng dạy tại các Viện, trường, các cơ sở đào tạo.

Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kế toán công đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học; cụ thể là: Chuẩn đầu ra về kiến thức, bao gồm các kiến thức chuyên môn, kiến thức về xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Chuẩn đầu ra về kỹ năng, gồm các kỹ năng giải quyết

vấn đề phức tạp liên quan tới chuyên môn, kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành, kỹ năng thuyết trình, phổ biến kiến thức chuyên môn... Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm, gồm: làm việc độc lập và theo nhóm, giải thích, hướng dẫn, giám sát hoạt động chuyên môn, tự định hướng và đưa ra các kết luận có liên quan tới hoạt động nghề nghiệp, quản lý, điều phối, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn kế toán; và chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học để người học đảm nhiệm được và đảm nhiệm tốt các vị trí công việc sau khi tốt nghiệp cũng như có khả năng tiếp tục học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kế toán công đạt chuẩn đầu ra về kiến thức sau:

- (PLO1): Phân tích, ứng dụng được kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, hiện đại về kế toán, kiểm toán và phân tích vào hoạt động chuyên môn trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự thay đổi của công nghệ
- (PLO2): Áp dụng được các kiến thức cơ bản về xã hội, khoa học chính trị và pháp luật đáp ứng yêu cầu của chuyên môn nghề nghiệp.
- (PLO3): Tổ chức ứng dụng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp tại các đơn vị, tổ chức.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kế toán công đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng sau:

- (PLO4): Phân tích, áp dụng được các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán, phân tích trong các đơn vị, tổ chức. Phân biện, phê phán, sử dụng các giải pháp thay thế để giải quyết các vấn đề chuyên môn phù hợp với bối cảnh.
- (PLO5): Tổ chức, dẫn dắt; đề xuất, thiết kế dự án khởi nghiệp, có khả năng xây dựng được đề án tạo việc làm cho mình và cho người khác thuộc chuyên môn kế toán, kiểm toán.
- (PLO6): Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kế toán công đạt chuẩn đầu ra về mức độ tự

chủ và trách nhiệm sau:

- (PLO7): Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong các môi trường khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có đạo đức nghề nghiệp.
- (PLO8): Giải thích, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc chuyên môn kế toán, kiểm toán; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- (PLO9): Lập được kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán trong đơn vị, tổ chức.

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kiểm toán đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học như sau:

- (PLO10): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.
- (PLO11): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 và Quyết định số 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/3/2022 của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy

chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	42TC	
1.1	Giáo dục đại cương	31	
1.1.1	Các học phần bắt buộc	29	
1	Triết học Mác - Lênin	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	24,12
6	Tiếng Anh 1	2	24,12
7	Tiếng Anh 2	2	24,12
8	Tiếng Anh 3	2	24,12
9	Toán cao cấp 1	2	24,12
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36,18
11	Pháp luật đại cương	2	24,12
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24,12
13	Tin học quản lý	3	36,18
1.1.2	Các học phần tự chọn	2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>		
1	Xã hội học đại cương	2	24,12
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất	3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc	1	
	Giáo dục thể chất chung	1	
1.2.2	Các học phần tự chọn	2	
	<i>Chọn 2TC trong các HP sau</i>		
1	Bóng ném	1	
2	Bóng chuyền	1	
3	Cầu lông	1	
4	Bóng bàn	1	

5	Cờ vua	1	
6	Bóng rổ	1	
1.3	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89 TC	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	27	
2.1.1.	<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>16</i>	
1	Nguyên lý kế toán	3	36,18
2	Nhập môn Tài chính - Tiền tệ	3	36,18
3	Nguyên lý thống kê	3	36,18
4	Tài chính công	3	36,18
5	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	24,12
6	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	24,12
2.1.2.	<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>11</i>	
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>		
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36,18
2	Kinh tế vi mô 1	3	36,18
3	Tài chính vi mô	3	36,18
4	Kinh tế công cộng	3	36,18
5	Marketing căn bản	3	36,18
6	Thị trường chứng khoán	3	36,18
7	Kinh tế thương mại đại cương	2	24,12
8	Luật đầu tư	2	24,12
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	39	
2.2.1.	<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>30</i>	
1	Kế toán công 1*	3	34,12,5
2	Kế toán công 2	3	36,18
3	Kế toán công 3	3	36,18
4	Kế toán tài chính 1	3	36,18
5	Kế toán tài chính 2*	3	34,12,5
6	Kế toán quản trị đơn vị công	3	36,18
7	Kiểm toán căn bản	3	36,18
8	Kiểm toán ngân sách Nhà nước	3	36,18
9	Phân tích kinh tế khu vực công	3	36,18

10	Chuẩn mực kế toán công quốc tế	3	36,18
2.2.2.	Các học phần tự chọn	9	
	Chọn 9 TC trong các HP sau:		
1	Tổ chức công tác kế toán	3	36,18
2	Kiểm toán nội bộ	3	36,18
3	Thực hành kế toán công	3	0,90
4	Hệ thống thông tin kế toán	3	36,18
5	Kế toán ngân hàng thương mại	3	36,18
6	Kế toán tài chính 3	3	36,18
2.3.	Kiến thức bổ trợ	13	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc	5	
1	Quản lý ngân sách nhà nước	3	36,18
2	Chính phủ điện tử	2	24,12
2.3.2.	Các học phần tự chọn	8	
	Chọn 8 TC trong các HP sau:		
1	Định giá tài sản	3	36,18
2	Nghiệp vụ kho bạc nhà nước	3	36,18
3	Thuế	3	36,18
4	Quản lý tài chính dự án đầu tư công	3	36,18
5	Thống kê kinh tế	2	24,12
6	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	2	0,60
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10	
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	3	0,90
2.4.2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	7	0,210

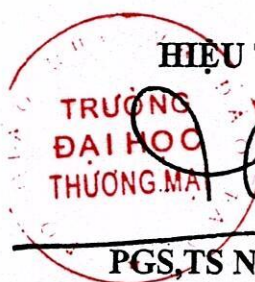
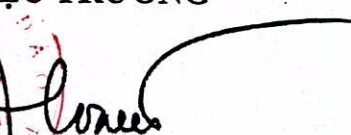
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Các học phần có dấu * có tổ chức báo cáo thực tế. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.

8.2. Mô tả các học phần (Xem phụ lục 1 kèm theo)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	8TC
		Giáo dục thể chất	01TC
		Tổng cộng	15TC
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	Giáo dục quốc phòng – an ninh	08 TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	07 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	09TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	17TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	4TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	6TC
		Tổng cộng	18TC
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	03 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	16TC
7	KỲ VI	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	10 TC
		Tổng cộng	16TC
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	18TC
9	KỲ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	TỔNG CỘNG		131TC

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG


PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS Phạm Đức Hiếu

PHỤ LỤC 1. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Trình bày mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo)

STT	Tên học phần	Mục tiêu học phần	Tóm tắt nội dung chính
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.	Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sử mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.
3	Tư tưởng Hồ Chí		Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1

Minh	Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ	giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Công sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
4 Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới - Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. - Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. - Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.	Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.	Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình. Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
6	Tiếng anh 1	Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.	Học phần “ <i>Tiếng Anh 1</i> ” gồm 4 bài đầu của giáo trình “ <i>Life (A2-B1)</i> ” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummert (Vietnam edition, 2 nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ đề khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.
7	Tiếng anh 2	Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ	Học phần “ <i>Tiếng Anh 2</i> ” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “ <i>Life (A2-B1)</i> ” của John Huges, Helen

		ơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phân biệt bằng tiếng Anh.	Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biệt và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.
8	Tiếng anh 3	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai	Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.
9	Toán cao cấp 1	Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản nhất về Đại số tuyến tính và Hàm một biến số, rèn luyện cho họ cách suy luận, trình bày các vấn đề theo phương pháp và ngôn ngữ của Toán học. Trang bị thêm cho người học một số phương tiện tính toán, phương pháp giải quyết các vấn đề giúp ích cho việc học các môn học khác và cho công việc sau này.	Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).
10	Lý thuyết xác suất	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về biến cố, xác suất	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương

	thống kê toán	của biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các số đặc trưng chính của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết ước lượng, lý thuyết kiểm định, và các bài toán ứng dụng các kiến thức này trong thực tiễn, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế-xã hội. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.	trình đào tạo của nhiều chuyên ngành. Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung: + Phần lý thuyết xác suất cung cấp các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các định lý xác suất; đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế. + Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: cơ sở lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê.
11	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng	Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố

			cầu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong tiến khai nghiên cứu khoa học.
13	Tin học quản lý	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập.	Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,...Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc

		quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.
14	Xã hội học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp người học nhận thức đầy đủ các vấn đề cơ bản của kinh tế thị trường; tiếp cận với các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế, thương mại quốc tế. Từ đó có cơ sở để học tốt các môn khoa học kinh tế khác, đặc biệt nghiên cứu các môn kinh tế ngành, chuyên ngành đào tạo. Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay. + Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường. + Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta.

			+ Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế. + Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.
16	Giáo dục thể chất	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên lựa chọn cho mình phương pháp rèn luyện thể chất phù hợp nhằm tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực, phòng ngừa các chấn thương trong tập luyện	Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.
17	Giáo dục quốc phòng - an ninh		
18	Nguyên lý kế toán	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán.	Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.
19	Nhập môn tài chính tiền tệ	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm	Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài

		việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần.	chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.
20	Nguyên lý thống kê	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, chuyên sâu của thống kê học, sau khi học xong sinh viên có thể : <i>vận dụng</i> kiến thức cơ bản, chuyên sâu của thống kê học để giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc chuyên môn kế toán; <i>hình thành</i> kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề liên quan tới hoạt động thống kê trong đơn vị; <i>sử dụng</i> được kỹ năng phân biện, phê phán để đề xuất giải pháp thay thế liên quan đến công tác thống kê trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; <i>kết hợp</i> các kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong đơn vị.	Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội; phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.
21	Tài chính công	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính công, hệ thống ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính ngoài ngân sách và tài sản công; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công, tính toán được tỉ lệ điều tiết ngân sách nhà nước; tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công.	Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính ở khu vực công với các nội dung chủ yếu như: các đặc trưng cơ bản và kết cấu tài chính công, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của tài chính công; quản lý tài chính công; chính sách tài chính công; về thu nhập công và chi tiêu công; tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân sách nhà nước, tín dụng Nhà nước; nợ công; hoạt động của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước.
22	Tiếng anh chuyên ngành 1	Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu , học tập ở các học phần sau.	Học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 1</i> được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ

			vùng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
22	Tiếng anh chuyên ngành 2	Phát triển các kỹ năng tiếng Anh nhằm giao tiếp tương đối thành thạo trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.	Học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 2</i> là sự tiếp nối học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 1</i> được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
23	Thị trường chứng khoán	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng ký và lưu ký chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.
24	Luật đầu tư	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng chuyên	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức

		sâu trong lĩnh vực pháp luật về đầu tư, giúp người học có khả năng giải quyết được những vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn thực hiện hoạt động đầu tư trong nước và hoạt động đầu tư ra nước ngoài.	chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Kinh tế. Học phần nghiên cứu các qui định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục thực hiện các hoạt động đầu tư trong nước và ra nước ngoài. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
25	Marketing căn bản	Nắm vững lý thuyết cơ bản về nguyên lý marketing, có năng lực thực tiễn trong triển khai hoạt động marketing trong môi trường có tính hội nhập và thay đổi.	Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing – mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.
26	Kinh tế thương mại đại cương	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Các kiến thức nền tảng này là cơ sở giúp người học vận dụng nghiên cứu những vấn đề kinh tế thương mại của Việt Nam và các nước.	Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến

			thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại
27	Tài chính vi mô	Sau khi kết thúc học phần người học được trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính vi mô, hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; người học vận dụng kiến thức trong thực hiện nghiệp vụ kinh doanh tại tổ chức tài chính vi mô; Người học có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế.	Học phần trình bày khái quát về sự hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng, vai trò của hoạt động tài chính vi mô, giới thiệu về tổ chức tài chính vi mô với những nội dung cụ thể về mô hình tổ chức, chức năng và các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô như: hoạt động cho vay, hoạt động huy động vốn, hoạt động bảo hiểm... Mặt khác, học phần cũng cung cấp các kiến thức về các nguyên lý và kỹ thuật trong phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
28	Kinh tế công cộng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản để hiểu được sự cần thiết, vai trò của Chính phủ, cơ sở khoa học của các quyết định, chính sách của Chính phủ. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết để phân tích và giải thích có căn cứ khoa học về cách thức can thiệp của Chính phủ, phần nào dự đoán được các chính sách có thể được ban hành của một Chính phủ hiện đại trong thực tế.	Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản gồm: bản chất, nội dung của khu vực công cộng và tính quy luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; những thất bại của thị trường làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; đánh giá các chính sách can thiệp của Chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội cũng như tác động của những chính sách này tới lợi ích của các đối tượng

29	Kinh tế vi mô 1	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.	khác nhau trong xã hội. Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.
30	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.	Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ

		mô.
31	Kế toán công 1 *	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và thực tế vững chắc về đặc điểm hoạt động, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp, giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tại đơn vị. Sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng để thực hiện, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần kế toán công 1 thuộc khối kiến thức Chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm của các đơn vị hành chính sự nghiệp; cơ sở và nguyên tắc kế toán trong các đơn vị này; khái quát hệ thống chuản mực kế toán công quốc tế và sự tác động đến kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế; những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi các hoạt động; kế toán nguồn vốn và các quỹ cơ quan, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp.
32	Kế toán công 2	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và kiến thức cơ bản về nguyên tắc kế toán, phương pháp và quy trình kế toán ngân sách Nhà nước. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hiện kế toán các hoạt động trong các đơn vị quản lý ngân sách nhà nước. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện kế toán trong Kho bạc Nhà nước, cơ quan xã, phường. Học phần kế toán công 2 thuộc khối kiến thức Chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán ngân sách trong khu vực công; Những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong kế toán ngân sách liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi ngân sách, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán ngân sách tại Kho bạc nhà nước. Ngoài ra học phần còn cung cấp kiến thức về kế toán ngân sách xã, phường.

33	Kế toán công 3	Học phần kế toán công 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán ngân sách trong khu vực công; Những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong kế toán ngân sách liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi ngân sách, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán ngân sách tại Kho bạc nhà nước. Ngoài ra học phần còn cung cấp kiến thức về kế toán ngân sách xã, phường.	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước và đặc điểm tổ chức quản lý, quản lý tài chính của các đơn vị quản lý quỹ; Cơ sở và nguyên tắc kế toán trong các đơn vị; Những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong đơn vị quản lý các quỹ liên quan đến kế toán thu, chi quỹ và những vấn đề chung về quyết toán, phương pháp lập báo cáo kế toán, báo cáo quyết toán trong các đơn vị này. Đồng thời, học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về các hoạt động cơ bản của Ngân hàng nhà nước và kế toán các hoạt động như phát hành tiền, cho vay, bảo lãnh của chính phủ, quản lý ngoại hối.
34	Kế toán tài chính 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận, kiến thức thực tế vững chắc về kế toán tài sản và kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất; phục vụ hoạt động điều hành và hoạt động quản lý về kế toán tại doanh nghiệp.	Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính: Các khái niệm, yêu cầu và nguyên tắc kế toán; kế toán tiền và các khoản phải thu; kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo tiền lương; kế toán tài sản cố định và kế toán các khoản đầu tư tài chính.
35	Kế toán tài chính 2*	Đào tạo sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng và kỹ năng thực tế về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC; sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán tài chính tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính trên góc độ: kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập BCTC.

36	Kế toán quản trị đơn vị công	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, phương pháp kế toán quản trị áp dụng cho các đơn vị thuộc khu vực công để có thể thực hiện các công việc kế toán quản trị và tham gia giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán phục vụ quản trị trong các đơn vị khu vực công.	Học phần kế toán quản trị đơn vị công thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: bản chất, vai trò, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị trong đơn vị thuộc khu vực công; lập các dự toán ngân sách; cung cấp thông tin hỗ trợ lập kế hoạch, kiểm soát, chấp hành, quyết toán kế hoạch thu và dự báo thu NSNN, thu HCSN; xác định chi phí và tính giá thành dịch vụ hành chính, sự nghiệp; xác định kết quả hoạt động hành chính, sự nghiệp và hỗ trợ cho việc ra các quyết định trong các đơn vị công.
37	Kiểm toán căn bản	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kiểm toán làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kiểm toán cụ thể. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng phân biệt, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kiểm toán để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức.	Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kiểm toán cụ thể. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng phân biệt, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kiểm toán để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức.
38	Kiểm toán ngân sách nhà nước	Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.	Học phần Kiểm toán ngân sách nhà nước thuộc học phần kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kiểm toán ngân sách nhà nước như: tổng quan về ngân sách nhà nước, qui trình kiểm toán ngân sách nhà nước và báo cáo kiểm toán.
39	Phân tích kinh tế khu vực công	Cung cấp cho người học lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tế cần thiết về phân tích kinh tế khu vực công; có kỹ năng phân tích, phân biệt, tổng hợp các vấn đề có liên quan đến kinh tế	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về phân tích kinh tế khu vực công, nghiên cứu những nội dung phân tích cơ bản bao gồm Phân tích thu, chi; Phân

		đơn vị công; kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích chuyên môn; khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Người học có đủ khả năng thực hiện và tổ chức công tác phân tích kinh tế tại các đơn vị công.	tích tài sản; Phân tích các khoản thanh toán; Phân tích báo cáo tài chính trong các đơn vị công
40	Chuẩn mực kế toán công quốc tế	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về chuẩn mực kế toán công quốc tế để có thể thực hiện các công việc kế toán trong các đơn vị công hiện đang áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế, tham gia xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực kế toán công và các chính sách kế toán công của Việt Nam.	Học phần thuộc chuyên ngành Kế toán công cung cấp những kiến thức cơ bản về: khái niệm, quy trình ban hành chuẩn mực kế toán công quốc tế, cơ sở kế toán áp dụng trong chuẩn mực kế toán công quốc tế, nội dung các chuẩn mực kế toán công quốc tế về tài sản, thu nhập, chi phí và lập báo cáo tài chính trong các đơn vị công.
41	Tổ chức công tác kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kế toán, những kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong đơn vị kế toán, kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kế toán	Học phần nghiên cứu khái niệm, nguyên tắc tổ chức công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, lựa chọn chính sách kế toán và người làm kế toán; tổ chức thu nhận, xử lý, hệ thống hóa, cung cấp và phân tích thông tin kế toán tài chính theo khuôn mẫu; tổ chức thu nhận, xử lý, hệ thống hóa, cung cấp và phân tích thông tin kế toán quản trị theo các chức năng quản trị, trợ giúp cho nhà quản trị trong quản lý, điều hành công việc từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, tổ chức kiểm tra và ra quyết định. Đồng thời, tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ở đơn vị kế toán.
42	Kiểm toán nội bộ	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tế vững chắc về kiểm toán nội bộ; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán nội bộ. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, khả năng để lập kế hoạch, thực hiện, tổ chức thực	Học phần Kiểm toán nội bộ thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kiểm toán nội bộ, như: bản chất kiểm toán nội bộ, vai trò chức năng của kiểm toán nội bộ, nội dung và phương

		hiện, giám sát và đánh giá công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.	pháp kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán nội bộ và kiểm toán nội bộ một số hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành nghề nghiệp như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đề xuất giải pháp, giám sát, đánh giá hoạt động kiểm toán...
43	Thực hành kế toán công	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực tế vững chắc và kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong công việc của kế toán tại các đơn vị công.	Học phần cung cấp những kỹ năng thực hành kế toán trên phần mềm bao gồm: xây dựng hệ thống danh mục từ điển và cập nhật số dư đầu kỳ; đọc và phân loại chứng từ, cập nhật số phát sinh trong kỳ theo phân hệ nghiệp vụ; kết chuyển số dư cuối kỳ, lập báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách.
44	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng trong và ngoài doanh nghiệp nhằm phục vụ việc ra quyết định quản lý và điều hành doanh nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để vận hành hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị theo các chu trình hoạt động trong doanh nghiệp.	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán: bản chất, phân loại hệ thống thông tin kế toán; Mục đích, vai trò của hệ thống thông tin kế toán; Quy trình xử lý và cung cấp hệ thống thông tin kế toán phục vụ cho quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin về hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí, doanh thu.
45	Kế toán ngân hàng thương mại	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong các ngân hàng thương mại. Sinh viên học xong có thể thực hiện các công việc kế toán và tham gia giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán tại các ngân hàng thương mại.	Học phần Kế toán ngân hàng thương mại thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: Các đặc điểm hoạt động của ngân hàng thương mại ảnh hưởng đến công tác kế toán; nội dung tổ chức công tác kế toán; nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản như: huy động vốn, tín dụng, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh

		toán vốn giữa các ngân hàng thương mại, kế toán các khoản thu, chi và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.	
46	Kế toán tài chính 3	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý luận cũng như khả năng thực hành về kế toán hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ; sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán hoạt động thương mại và dịch vụ tại doanh nghiệp. Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kế toán hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong doanh nghiệp; có khả năng tự học và tự nghiên cứu, có khả năng tự định hướng, có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân và đưa ra các quyết định xử lý các tình huống về kế toán thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ.	Học phần kế toán tài chính 3 nghiên cứu các phần hành kế toán cụ thể trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và dịch vụ : kế toán nghiệp vụ mua hàng, kế toán nghiệp vụ bán hàng trong kinh doanh thương mại; kế toán nghiệp vụ xuất nhập khẩu trong hoạt động kinh doanh XNK; kế toán chi phí, giá thành và doanh thu trong hoạt động kinh doanh dịch vụ.
47	Quản lý ngân sách nhà nước	Sau khi hoàn thành chương trình học phần, người học hiểu, có khả năng trình bày, tổng hợp và vận dụng được các kiến thức cơ bản về quản lý NSNN. Trên cơ sở đó, có thể phân tích thông tin, xử lý, giải quyết tình huống trong tác nghiệp quản lý thu chi NSNN, thực hiện chu trình NSNN ở các cơ quan nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức thụ hưởng NSNN; Thông qua học phần này, người học được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, rèn luyện khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động quản lý NSNN.	Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động quản lý, kiểm soát các khoản thu chi NSNN với các nội dung chủ yếu như: khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, vai trò và nguyên tắc quản lý NSNN; nội dung quản lý NSNN và tổ chức công tác quản lý NSNN như là tổ chức xây dựng dự toán Thu-Chi NSNN, tổ chức chấp hành dự toán Thu và các khoản Chi NSNN, Kiểm toán Thu và Quyết toán Chi NSNN; đánh giá công tác quản lý NSNN thông qua các phương pháp và chỉ số chuyên môn.
48	Quản lý tài chính dự án đầu tư công	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về quản lý tài chính dự án đầu tư công; giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề và tình huống trong quản lý tài chính dự án	Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu và thảo luận về các nguyên lý lý thuyết và vấn đề thực tế trong phân tích và quản lý tài chính dự án đầu tư ở khu

		đầu tư công.	vực công. Học phần sẽ đề cập đến các chủ đề, kết hợp lý thuyết và thực hành cần thiết để hiểu về cơ sở và phương pháp quản lý tài chính dự án đầu tư trong khu vực công. Nội dung chính bao gồm: tổng quan về dự án đầu tư công và quản lý tài chính dự án đầu tư công; phân tích tài chính dự án đầu tư công; phân tích chi phí – lợi ích; dự toán và quản lý chi phí dự án đầu tư công; quản lý rủi ro dự án đầu tư công.
49	Định giá tài sản	Sau khi học xong học phần, người học nắm bắt và vận dụng được các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp; rèn luyện các kỹ năng, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực tự chủ, thái độ chuyên nghiệp trong định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp.	Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp
50	Nghiệp vụ kho bạc nhà nước	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước, có khả năng phân tích thông tin để giải quyết tình huống tác nghiệp cụ thể theo chức năng của KBNN, tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, kỹ năng làm việc ở các vị trí khác nhau trong hệ thống KBNN, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực KBNN..	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ KBNN với các nội dung chủ yếu như: Khái niệm, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của KBNN, phân định chức năng quản lý quỹ NSNN trong hệ thống KBNN, phân định trách nhiệm giữa các bộ phận trong KBNN; các nguyên tắc tổ chức hệ thống KBNN; Nghiệp vụ quản lý NSNN của KBNN; Tín dụng Nhà nước qua hệ thống KBNN; Điều hòa vốn trong hệ thống KBNN; Nghiệp vụ quản lý ngân quỹ, kho tiền và tài sản khác; Hệ

51	Thuế	Sau khi học xong học phần, người học hiểu và nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của thuế và hệ thống thuế Việt Nam; vận dụng được các kiến thức để tính toán được tiền thuế phải nộp, xử lý được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống thuế; nâng cao ý thức tuân thủ thuế, hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ của học phần.	thống mục lục NSNN. Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác.
52	Thống kê kinh tế	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về thống kê kinh tế, sau khi học xong sinh viên có thể: <i>Vận dụng</i> kiến thức cơ bản được trang bị trong học phần đánh giá được các tác động của các yếu tố vĩ mô tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; <i>vận dụng</i> các kiến thức trong thống kê kinh tế để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế như Tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế; <i>giải quyết</i> các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động kinh tế trong các đơn vị nhờ khả năng phân tích và đánh giá vấn đề một cách khách quan dựa trên cơ sở tính toán nguồn số liệu thu thập được một cách khoa học, hợp lý; có khả năng tự học, tự nghiên cứu; <i>đề xuất các giải pháp</i> thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi, có kỹ năng phản biện, phê phán và bảo vệ quan điểm	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức của thống kê kinh tế như: Đối tượng nghiên cứu, hệ thống tài khoản quốc gia; thống kê các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực của nền kinh tế quốc dân và việc sử dụng các nguồn lực này; thống kê kết quả sản xuất thông qua chỉ tiêu giá trị sản xuất, tổng sản phẩm trong nước; thống kê ngân sách nhà nước, tiền tệ và tín dụng.
53	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên của Ngành Thương mại điện tử, đồng thời bổ trợ kỹ năng cho sinh viên các ngành, chuyên ngành như Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing, Tài chính	Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học

		ngân hàng, Kinh tế thương mại trong sử dụng các công cụ tìm kiếm thông dụng và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới để khai thác thông tin, dữ liệu theo nhu cầu trên mạng Internet.	phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.
54	Chính phủ điện tử	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành quản trị thương mại điện tử những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, một phương thức quản trị nhà nước hiện đại được quan tâm triển khai ứng dụng trên thế giới và tại Việt Nam.	Là học phần bắt buộc thuộc bộ phận kiến thức chuyên ngành quản trị thương mại điện tử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.
54	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	Thực tập tốt nghiệp và viết BCTTH nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng thông qua việc tìm hiểu hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực công và thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này. Từ đó, sinh viên sẽ củng cố được kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào	- Sinh viên đến đơn vị thực tập, trực tiếp thực hiện các công việc theo kế hoạch và yêu cầu về nội dung thực tập. Giai đoạn một là thực tập tổng hợp và viết Báo cáo thực tập tổng hợp (có hướng dẫn kèm theo). - Trong thời gian đi thực tập, sinh viên phải thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế làm việc của

		tạo. Nhà trường và đơn vị thực tập, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc và ứng xử, nắm được các quy định về quản lý của Nhà nước có liên quan đến chuyên ngành đào tạo và việc vận dụng các quy định này trong thực tế của đơn vị thực tập. - Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế vào điều kiện cụ thể của một đơn vị công, trực tiếp tham gia vào một (hoặc một số) phần việc thuộc công tác kế toán, kiểm toán nội bộ (nếu có) và phân tích kinh tế theo sự phân công của đơn vị thực tập để rèn luyện kỹ năng thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế hoạt động của đơn vị, nghiên cứu đề xuất nội dung viết khóa luận tốt nghiệp, khảo sát thực tế để phục vụ viết Báo cáo thực tập tổng hợp và Khóa luận tốt nghiệp theo hướng đề xuất và được thông qua. - Sinh viên phải nắm được nội dung và cách thức tiến hành điều tra, khảo sát để thu thập thông tin phục vụ cho việc viết báo cáo thực tập tổng hợp, lựa chọn đề tài và viết khóa luận tốt nghiệp. - Kết thúc giai đoạn thực tập, sinh viên phải hoàn thành và nộp Báo cáo thực tập tổng hợp đúng thời hạn quy định.
55	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để

	sinh viên tiếp tục bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng thông qua việc tìm hiểu hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực công và thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này. Từ đó, sinh viên sẽ cùng cố được kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.
	dùng thực tập. Giai đoạn hai là thực tập và viết Khoa luận tốt nghiệp (có hướng dẫn kèm theo). - Trong thời gian đi thực tập, sinh viên phải thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế làm việc của Nhà trường và đơn vị thực tập, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc và ứng xử, nắm được các quy định về quản lý của Nhà nước có liên quan đến chuyên ngành đào tạo và việc vận dụng các quy định này trong thực tế của đơn vị thực tập. - Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế vào điều kiện cụ thể của một đơn vị công, trực tiếp tham gia vào một (hoặc một số) phần việc thuộc công tác kế toán, kiểm toán nội bộ (nếu có) và phân tích kinh tế theo sự phân công của đơn vị thực tập để rèn luyện kỹ năng thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế hoạt động của đơn vị, nghiên cứu đề xuất nội dung viết khoa luận tốt nghiệp, khảo sát thực tế để phục vụ viết Khoa luận tốt nghiệp theo hướng đề xuất đã được thông qua. - Sinh viên phải nắm được nội dung và cách thức tiến hành điều tra, khảo sát để thu thập thông tin phục vụ cho việc viết Khoa luận tốt nghiệp. - Kết thúc giai đoạn thực tập, sinh viên phải hoàn thành và nộp Khoa luận tốt nghiệp đúng thời hạn quy định theo hướng dẫn của Khoa chuyên ngành.